

KHỐI MẪU GIÁO 5 TUỔI
MỤC TIÊU GIÁO DỤC - NỘI DUNG GIÁO DỤC (109 MỤC TIÊU)

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất	
1. Phát triển vận động	
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp.	
MT1: Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể dục buổi sáng. - Thể dục phát triển vận động (Tại phần bài tập phát triển chung) - Hô hấp: Hít vào, thở ra, thổi nơ - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). - Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay vòng tròn trước ngực đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Ngửa người ra sau kết hợp giơ tay lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông, hoặc hai tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân. <ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau. - Bật <ul style="list-style-type: none"> + Bật về trước hoặc bật tại chỗ theo nhịp + Bật về các phía
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.	
MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	<ul style="list-style-type: none"> - Đi: <ul style="list-style-type: none"> + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh.

	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục. - Đi trên dây đặt trên sàn - Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục - Đi trên ghế băng đầu đội túi cát - Đi trên ván kê dốc - Đi nổi gót trong đường hẹp. - Đi theo đường díc dắc - Đi dồn trước, dồn ngang trên ghế thể dục - Đi đổi hướng theo hiệu lệnh
MT3: Trẻ kiểm soát được vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy díc dắc qua 7 điểm - Chạy 18m trong 10 giây - Chạy chậm 100 – 120m - Chạy nhanh 15m. - Bật chụm tách qua 7 ô. - Bật liên tục vào vòng. - Bật nhảy từ trên cao xuống 40- 50cm. - Bật xa 40- 50cm. - Bật qua rãnh nước - Bật nhảy từ trên cao xuống (40 – 45cm) - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản 15-20 cm - Bật sâu 25cm. - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4- 5m - Nhảy lò cò 5m - Nhảy qua vật cản 15-20cm
MT4: Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bóng qua đầu, qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích nằm ngang - Ném xa bằng 2 tay
MT5: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục. - Đi trên ghế băng đầu đội túi cát - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 - Bò bằng bàn tay, cẳng chân chui qua công - Bò dích dắc qua 7 điểm - Chạy thay đổi tốc độ, hướng theo hiệu lệnh - Trèo lên xuống 7 giống thang - Trèo lên xuống ghế

	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và đập bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m - Đi theo đường hẹp, ném xa bằng 1 tay - Bật qua các vật cản, bò bằng bàn tay và cẳng chân.
<i>c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt</i>	
MT6: Trẻ thực hiện được các vận động của bàn tay	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ, nắn. - Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.
MT 7: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp ghép hình - Xé, cắt dán theo đường viền hình vẽ. - Tô màu kín không chừa ra ngoài đường viền. - Dán các hình vào đúng vị trí không bị nhẵn. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu
2. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe.	
<i>a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</i>	
MT 8: Trẻ biết lựa chọn được 1 số thực phẩm khi được gọi tên theo nhóm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm
MT 9: Trẻ nói được tên làm số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
MT 10: Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh. Uống nhiều nước ngọt, nước ga, ăn nhiều đồ ngọt béo phì không có lợi cho sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...)
<i>b. Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>	
MT 11: Trẻ thực hiện được 1 số việc đơn giản, tự phục vụ trong sinh hoạt.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi quy định.

	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết
MT 12: Trẻ sử dụng đồ dùng, phục phụ ăn uống thành thạo	- Sử dụng đồ dùng, phục phụ ăn uống thành thạo như (bát, thìa, cốc...)
c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 13: Trẻ có 1 số hành vi thói quen tốt trong ăn uống.	- Mời cô và mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, không đùa nghịch khi ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường
MT 14: Trẻ có 1 số thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh .	- Vệ sinh răng miệng sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy, ra nắng đội mũ, đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau chảy máu hoặc sốt - Che miệng khi ho hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp
MT 15: Trẻ có 1 số thói quen tốt trong việc giữ gìn sức khỏe	- Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn phòng tránh	
MT 16: Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần không nghịch các vật sắc nhọn.	- Biết phòng tránh những vật nguy hiểm không an toàn leo trèo cây, ban công, tường rào, bếp đang nấu, bàn là, vật sắc nhọn... - Biết được 1 số tác hại thông thường của thuốc lá... - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng hành động...
MT17: Trẻ biết những nơi ao hồ, chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần	- Biết phòng tránh những nơi không an toàn như. Ao, hồ, cầu.. Nếu gần ảnh hưởng đến tính mạng con người.
MT18: Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	- Biết cười đùa trong khi ăn uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc - Biết không tự ý uống thuốc

	<ul style="list-style-type: none"> - Biết: Ăn thức ăn có mùi ôi ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc
MT19: Trẻ nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp như. Người rơi xuống nước, cháy, chảy máu.... - Biết 1 số trường hợp không an toàn - Biết được chỉ nơi ở số điện thoại của gia đình, người thân khi bị lạc, biết hỏi người lớn giúp đỡ. - Khi người lạ bế ấm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi... - Ra khỏi nhà, khu vực trường lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo
MT20: Trẻ thực hiện được 1 số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi - Khi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây ban công, tường rào
II. Giáo dục phát triển nhận thức.	
1. Khám phá khoa học	
a. Xem xét tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
MT21: Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá xem xét và tìm hiểu các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”...	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
MT 22: Trẻ biết phối hợp các giác quan, để xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận để tìm được đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện

	<p>giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây hoa quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của con vật cây hoa quả.
MT 23: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi
MT24: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình trò chuyện và thảo luận.	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình trò chuyện và thảo luận.
MT25: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi trong lớp theo 2- 3 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng đồ dùng trong gia đình theo 2- 3 dấu hiệu. - Phân loại phương tiện giao thông theo 2- 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2- 3 dấu hiệu.
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT26: Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa; - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Các nguồn nước trong môi trường sống; Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây; Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
MT27: Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT28: Trẻ biết nhận xét, thảo	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng,

luyện về đặc điểm sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát.	<p>đồ chơi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông. - Đặc điểm ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, con vật. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của 1 số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1 số con vật, cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật.
MT29: Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.
2. Làm quen 1 số khái niệm sơ đẳng về toán	
a. Nhận biết số đếm và số lượng	
MT30: Trẻ biết quan tâm đến các con số, thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu? Đây là mấy?”....	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết số lượng và đếm. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
MT31: Nhận biết số đếm, số lượng trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
MT32: Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
MT33: Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT34: Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.	- Tách 1 nhóm thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau trong phạm vi 10.
MT35: Trẻ nhận biết được các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Trẻ nhận biết được các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
MT36: Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: Số nhà, biển số xe...

MT37: Trẻ biết ghép thành những cặp đối tượng có mối liên quan	- Trẻ biết ghép thành những cặp đối tượng có mối liên quan
b. Sắp xếp theo quy tắc	
MT38: Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.
MT39: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra quy luật sắp xếp - Biết cách sắp xếp theo mẫu và sao chép lại
MT40: Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
c. So sánh 2 đối tượng	
MT41: Trẻ biết sử dụng được số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo.
d. Nhận biết hình dạng	
MT42: Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau.
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT43: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau: Phía trên- phía dưới: Phía phải- phía trái) so với bản thân trẻ với bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn.
MT44: Trẻ biết gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.
3. Khám phá xã hội.	
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT45: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT46: Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) nhu cầu của gia đình.

đình.	
MT47: Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại(nếu có)..khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại(nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.
MT48: Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả 1 số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được tên, địa chỉ của trường, lớp mầm non. - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non.
MT49: Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của các cô giáo, công nhân viên trong trường.
MT50: Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói được họ, tên của các bạn trong lớp. - Nói được 1 số đặc điểm, giới tính, sở thích của các bạn trong lớp. - Trẻ nói được các hoạt động của mình và các bạn trong trường Mầm non.
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống địa phương	
MT51: Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của 1 số nghề.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
c. Nhận biết 1 số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
MT52: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	Trẻ biết kể tên được lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội
MT53: Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Trẻ biết được đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày hội, ngày lễ, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước...
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	
1. Nghe hiểu lời nói.	
MT54: Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. - Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp trong các hoạt động tập thể.
MT55: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa - Hiểu được các từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng(đồ dùng gia

đình, đồ dùng học tập...)	đình, đồ dùng học tập...)
MT 56: Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT 57: Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu
MT 58: Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT 59: Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... - Đặt các câu hỏi “ Tại sao?” “Như thế nào?” “Làm bằng gì?”
MT 60: Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật	<ul style="list-style-type: none"> - Biết miêu tả sự vật, sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 61: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Biết đọc thuộc, diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè....
MT 62: Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự - Kể chuyện theo đồ vật theo tranh - Kể lại sự việc theo trình tự
MT 63: Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Trẻ biết đóng kịch, biết thể hiện tính cách của các nhân vật trong truyện.
MT 64: Trẻ biết sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Đạ”; “Vâng”...phù hợp với tình huống.	- Trẻ biết sử dụng các từ: “ Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Đạ”; “Vâng”...phù hợp với tình huống.
MT 65: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	-Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
3. Làm quen với việc đọc và viết	
MT 66: Trẻ biết chọn sách “ đọc”	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

và xem.	
MT 67: Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
MT 68: Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách, xem và nghe, đọc các loại sách khác nhau. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách
MT 69: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...
MT 70: Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.
MT 71: Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Biết tô, đồ các nét chữ, sao chép 1 số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
1. Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 72: Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Trẻ biết tên các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình
MT 73: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích và khả năng của bản thân. - Biết được việc bé làm được và việc gì bé không làm được.
MT 74: Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
MT 75: Trẻ biết mình là con/	- Biết vị trí, trách nhiệm của bản thân trong gia

cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình	đình...
MT 76: Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo và những việc vừa sức.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động. - Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo và những việc vừa sức.
2. Thể hiện sự tự tin tự lực.	
MT 77: Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Biết thực hiện một số công việc phục vụ bản thân: Đánh răng, rửa mặt, chải đầu....
MT 78: Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.	
MT 79: Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
MT 80: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT 81: Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT 82: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...).	- Nhận ra được các hình ảnh về Bác Hồ và 1 số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở nơi làm việc...).
MT 83: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Trẻ biết kính yêu Bác Hồ. - Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT 84: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.	
MT 85: Trẻ thực hiện được một số	- Một số quy định ở lớp, gia đình và công cộng

quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi, cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	(để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường...) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”.
MT 86: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép...
MT 87: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, không ngắt lời người khác, biết chờ đến lượt. - Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự..
MT 88: Trẻ biết chờ đến lượt	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
MT 89: Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm chia sẻ giúp đỡ bạn - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
MT 90: Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn. - Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn.
5. Quan tâm đến môi trường	
MT 91: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc. - Yêu quý, bảo vệ con vật và cây cối.
MT 92: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường, không vứt rác bừa bãi
MT 93: Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa”	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa”
MT 94: Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ.	
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống, các tác phẩm nghệ thuật.	
MT 95: Biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm, nói lên cảm xúc của mình khi nghe	-Trẻ biết thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng.	
MT 96: Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển...) - Nghe và nhận ra sắc thái(vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát bản nhạc. - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện.
MT 97: Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	
MT 98: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca, và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
MT 99 : Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu, múa. - Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc.
MT 100: Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Tìm kiếm, lựa chọn, phối hợp các dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra các sản phẩm theo ý thích.
MT 101: Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
MT 102: Trẻ biết phối hợp kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét hài hòa, bố cục cân đối.
MT 103: Trẻ biết phối hợp kỹ	- Phối hợp kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có

năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	bố cục cân đối.
MT 104: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
MT 105: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dạng bố cục	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét, bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 106: Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời mới cho giai điệu bài hát bản nhạc quen thuộc(một câu hoặc 1 đoạn)
MT 107: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 108: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
MT 109: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

* Các mục tiêu thực hiện xuyên suốt trong các chủ đề của năm học: 1; 2; 3; 5; 30; 31; 32; 33; 34; 61; 63; 70; 71; 98; 99; 101; 102; 103; 105. (19 mục tiêu)